

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000687

Trang : 1/2

Môn học: **Kỹ thuật sấy (228216) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23** Tổ: **001**

Ngày thi: **15/04/2023** Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D5-28**

Số SV có mặt: **21**

Số bài thi: **21**

Số tờ giấy thi: **21**

Cán bộ coi thi 1 <i>Sau</i> <i>Thảo Văn Sơn</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Yan</i> <i>Ng.T. Hồng Hà</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>N.T. Phái</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Monilus</i>
---	--	---------------------------------------	-------------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122180006	CAO NGỌC CƯỜNG	21/04/2003	CCQ2218A		1	<i>Cu</i>	6,7	2,5	4,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122180027	NGUYỄN NGỌC ĐẠI	02/07/2004	CCQ2218A			<i>Cán thi</i>				☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122180021	LÊ HOÀNG PHÚC	19/03/2004	CCQ2218A		1	<i>Hau</i>	7,3	2,5	4,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122180008	NGUYỄN XUÂN HIỆP	09/07/2004	CCQ2218A				7,3			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122180020	NGUYỄN HUỲNH	10/05/2004	CCQ2218A		1	<i>Huy</i>	8,0	3,5	5,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122180016	HUỲNH BẢO	17/09/2004	CCQ2218A		1	<i>H</i>	7,7	7	7,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122180012	PHẠM MINH KIẾT	01/06/2004	CCQ2218A		1	<i>K</i>	8,0	5,5	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122180004	NGUYỄN KHÁNH LINH	03/07/2004	CCQ2218A		1	<i>L</i>	8,0	5,0	6,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122180007	ĐÌNH NGUYỄN THÀNH LONG	10/11/2004	CCQ2218A		1	<i>Long</i>	6,7	3,5	4,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122180026	LÝ ANH MINH	09/08/2004	CCQ2218A			<i>Cán thi</i>				☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122180024	NGÔ HOÀI NAM	23/06/2004	CCQ2218A			<i>Cán thi</i>				☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122180002	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	18/06/2003	CCQ2218A		1	<i>Nam</i>	8,0	9,5	8,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122180013	NGUYỄN VĂN NGHĨA	27/05/2004	CCQ2218A			<i>Cán thi</i>				☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122180025	NGUYỄN TRUNG NHUẬN	08/12/2004	CCQ2218A		1	<i>Nhuận</i>	7,7	5,0	6,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122180003	NGUYỄN MINH NHỰT	28/10/2004	CCQ2218A		1	<i>Nh</i>	8,0	2,5	4,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122180028	NGUYỄN DƯƠNG TẤN PHÁT	05/02/2004	CCQ2218A		1	<i>Phat</i>	7,3	6,0	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122180032	THÁI ĐỨC PHONG	09/04/2004	CCQ2218A			<i>Cán thi</i>				☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122180014	TRẦN THANH PHONG	17/03/2004	CCQ2218A		1	<i>phong</i>	6,7	7,0	6,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122180029	NGUYỄN TRỌNG PHÚC	04/08/2004	CCQ2218A			<i>Cán thi</i>				☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122180009	PHẠM TẤN SINH	15/07/2004	CCQ2218A		1	<i>Sinh</i>	6,7	5,0	5,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000687

Trang : 2/2

Môn học: **Kỹ thuật sấy (228216) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **15/04/2023**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D5-28**

Số SV có mặt: **21**

Số bài thi: **21**

Số tờ giấy thi: **21**

Cán bộ coi thi 1 <i>Trần Văn Sơn</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Ng. T. Hồng Hà</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>N.T. Phán</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>N.T. Phán</i>
---	---	---------------------------------------	---------------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122180001	PHẠM HUỲNH NHẬT TÂN	15/10/2000	CCQ2218A		1	<i>Tân</i>	7,3	5,5	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122180031	LÊ THANH THẾ	22/02/2004	CCQ2218A		1	<i>Thế</i>	7,3	3,0	4,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122180035	PHẠM ĐÌNH TIẾN	30/03/2004	CCQ2218B			<i>Cấm thi</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122180030	HUỲNH MINH TOÀN	20/10/2004	CCQ2218A		1	<i>Toàn</i>	6,0	4,8	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122180015	CHÂU MINH TRÍ	25/08/2004	CCQ2218A		1	<i>Trí</i>	7,3	3,5	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122180010	HÀ HỮU TRUYỀN	13/05/2002	CCQ2218A		1	<i>Truyền</i>	8,0	6,0	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122180022	NGUYỄN HOÀNG TÚ	26/02/2004	CCQ2218A		1	<i>Tú</i>	8,0	9,0	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122180017	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	11/09/2004	CCQ2218A			<i>Cấm thi</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2122180033	NGUYỄN THÀNH VẠN	19/02/2004	CCQ2218A		1	<i>Vạn</i>	6,7	4,0	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122180018	NGUYỄN NGHI VĂN	06/04/2004	CCQ2218A		1	<i>Văn</i>	7,3	5,0	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000688

Trang : 1/2

Môn học: **Kỹ thuật sấy (228216) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **002**

Ngày thi: **15/04/2023**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D5-29**

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

Cán bộ coi thi 1 <i>Phạm Lê Đức Hoàng</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Vinh Châu TT Nguyễn</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>N.T. Phát</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nam</i>
--	--	---------------------------------------	---------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122180068	NGUYỄN THÁI BẢO	26/02/2004	CCQ2218B			<i>Cầm thi</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122180051	NGUYỄN TÙNG	20/11/2004	CCQ2218B			<i>Cầm thi</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122180057	VÕ TRƯƠNG ĐÔNG	01/01/2004	CCQ2218B		1	<i>Đông</i>	6,7	5,5	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122180047	PHAN PHÚ GIA	26/12/2002	CCQ2218B		1	<i>GP</i>	8,0	8,0	8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122180052	TRẦN VĂN GIANG	08/03/2004	CCQ2218B		1	<i>Giang</i>	6,7	4,5	5,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122180061	LÊ DUY HÒA	04/02/2004	CCQ2218B			<i>Cầm thi</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122180065	NGUYỄN NHẬT HUY	26/11/2003	CCQ2218B		1	<i>Huy</i>	6,7	4,0	5,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122180034	NGUYỄN THÁI KHÊNH	29/08/2003	CCQ2218A		1	<i>Khánh</i>	8,0	4,5	5,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
9	2122180041	NGUYỄN HOÀNG KHÔI	08/03/2004	CCQ2218B		1	<i>Khôi</i>	8,0	6,0	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122180062	NGUYỄN HỮU KIÊN	09/11/2003	CCQ2218B		1	<i>Kiên</i>	7,0	7,0	7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122180042	NGUYỄN HUỲNH TUẤN	23/03/2004	CCQ2218B		1	<i>Tuấn</i>	6,7	7	6,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
12	2122180060	TRẦN QUỐC KIẾT	07/12/2004	CCQ2218B		1	<i>Quốc</i>	7,3	5	5,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
13	2122180054	TRẦN VĂN NAM	03/08/2004	CCQ2218B		1	<i>Nam</i>	7,0	5,5	6,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122180043	VĂN THANH NHẬT	24/01/2004	CCQ2218B		1	<i>Nhật</i>	6,7	3,5	4,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
15	2122180037	PHẠM VĂN NHON	05/11/2004	CCQ2218B			<i>Cầm thi</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122180044	HUỲNH NHẬT QUANG	10/08/2004	CCQ2218B		1	<i>Quang</i>	7,0	5,3	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122180019	VÕ QUANG THẮNG	10/04/2004	CCQ2218A		1	<i>Thắng</i>	6,7	2,5	4,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122180066	TRƯƠNG VĂN THẾ	27/01/2004	CCQ2218B		1	<i>Thế</i>	7,0	5,0	5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122180048	VÕ VĂN THIÊN	12/08/2004	CCQ2218B		1	<i>Thiên</i>	6,7	8,5	7,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122180064	BÙI NGỌC THIÊN	04/10/2004	CCQ2218B		1	<i>Thiên</i>	8,0	5,0	6,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000688

Trang : 2/2

Môn học: **Kỹ thuật sấy (228216) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **002**

Ngày thi: **15/04/2023**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D5-29**

Số SV có mặt: 25.....

Số bài thi: 25.....

Số tờ giấy thi: 25.....

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Văn Hùng</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Châu Tấn Nguyên</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>N.T. Phát</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Văn Hùng</i>
--	--	---------------------------------------	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122180046	NGUYỄN VĂN THIẾT	13/11/2004	CCQ2218B		01	<i>Thiết</i>	8,0	2,5	4,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122180056	NGUYỄN VĂN TIẾN	06/09/2003	CCQ2218B		1	<i>Tiến</i>	6,7	3,5	4,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122180039	TRẦN VĂN TIẾN	05/11/2004	CCQ2218B		1	<i>Tiến</i>	8,0	4,5	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122180049	LÊ VĂN TÍNH	29/12/2004	CCQ2218B		1	<i>Tính</i>	8,0	5,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122180063	TRẦN QUỐC TÍNH	17/08/2004	CCQ2218B		1	<i>Tính</i>	6,7	4,5	5,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122180055	NGUYỄN TẤN TRUNG	16/07/2004	CCQ2218B		1	<i>Trung</i>	6,7	3,5	4,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120180066	NGUYỄN ĐÌNH TRUYỀN	09/11/2002	CCQ2018B		1	<i>Truyền</i>	7,3	4,0	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122180038	NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG	01/10/2004	CCQ2218B			<i>Cán thi</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2122180059	BÁO VĂN ANH TUẤN	22/06/2004	CCQ2218B		1	<i>Tuấn</i>	7,0	5,3	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122180058	LÊ HÙNG VƯƠNG	12/08/2004	CCQ2218B		1	<i>Vương</i>	7,3	5,5	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000689

Trang : 1/2

Môn học: **Kỹ thuật sấy (228216) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **15/04/2023**

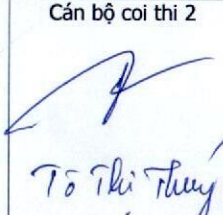
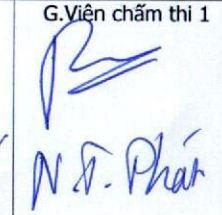
Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D5-30**

Số SV có mặt: **20**

Số bài thi: **20**

Số tờ giấy thi: **20**

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2  Tô Thị Thuý	G.Viên chấm thi 1  N.Đ. Phát	G.Viên chấm thi 2  Nguyễn Văn
---	--	---	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122180072	NGUYỄN QUỐC ANH	29/11/2003	CCQ2218C		1		7,3	7,0	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122180093	DƯƠNG THẾ BẢO	30/10/2004	CCQ2218C		1		7,3	6,5	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122180096	TRẦN QUỐC CƯỜNG	23/05/2004	CCQ2218C		1		7,3	8,0	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122180100	LÊ TRUNG ĐỨC	25/07/2004	CCQ2218C		1		7,0	4,5	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122180080	NGUYỄN CÔNG HIỀN	09/04/2003	CCQ2218C			Cấm thi				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122060037	NGUYỄN VĂN KHÁNH	29/06/2004	CCQ2218C			Cấm thi				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122180069	VÕ ĐĂNG KHOA	17/04/2004	CCQ2218C		1		6,7	2,5	4,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122180078	LÊ TRUNG KIẾN	28/12/2004	CCQ2218C		1		7,7	4,5	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122180082	VĂN THÀNH LONG	10/12/2004	CCQ2218C		1		7,0	1	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122180086	TRƯƠNG BÁ LUẬN	15/02/2004	CCQ2218C		1		7,7	5,5	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122180083	NGUYỄN VĂN MINH	21/05/2004	CCQ2218C		1		7,7	8,5	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122180084	NGUYỄN NGỌC PHÁT	11/10/2004	CCQ2218C			Cấm thi				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122110378	TRƯƠNG THANH PHONG	25/06/2004	CCQ2218C		1		7,0	3,0	4,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122180071	ĐOÀN ANH QUÂN	08/10/2004	CCQ2218C		1		6,7	6,5	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122180079	ĐÀNG LƯU SỬA	22/02/2001	CCQ2218C		1		7,3	7,5	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122180075	TRẦN VĂN TÂM	30/05/2004	CCQ2218C		1		7,0	8,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122180089	NGUYỄN VĂN THỊNH	26/05/2004	CCQ2218C		1		8,0	5,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122180098	BÙI NGUYỄN ĐÌNH THỐNG	22/10/2004	CCQ2218C		1		7,3	2,5	4,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122180090	LÊ MINH THUẬN	11/07/2004	CCQ2218C		1		7,3	6,5	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122180070	ỨC CHIẾN TIỀN	15/10/2003	CCQ2218C		1		7,3	6,0	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000689

Trang : 2/2

Môn học: **Kỹ thuật sấy (228216) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **15/04/2023**

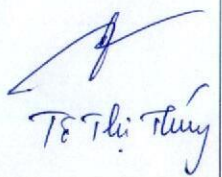
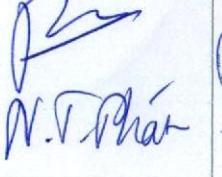
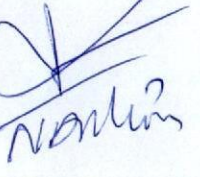
Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D5-30**

Số SV có mặt: **20**.....

Số bài thi: **20**.....

Số tờ giấy thi: **20**.....

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
	Tô Thị Thúy	N.T. Phát	Namlin

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122180091	TRƯƠNG QUỐC TIẾNG	08/10/2004	CCQ2218C		1	Tiếng	7,0	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122180099	VÕ THANH TRỌNG	19/02/2004	CCQ2218C				7,3			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122180092	PHAN THÁI TÚ	20/06/2004	CCQ2218C		1		7,0	5,5	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122180095	NGUYỄN ANH TUẤN	25/07/2004	CCQ2218C		1		7,3	4,0	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122180074	VÕ HỒNG VÀNG	27/08/2004	CCQ2218C				7,7			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000690

Trang : 1/2

Môn học: **Kỹ thuật sấy (228216) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **002**

Ngày thi: **15/04/2023**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D5-31**

Số SV có mặt: **20**

Số bài thi: **20**

Số tờ giấy thi: **20**

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Bình</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>H.T.B. Phương</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>N.T. Phát</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>N.T. Phát</i>
--	--	---------------------------------------	---------------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122180128	LÊ NGUYỄN QUỐC BẢO	05/07/2004	CCQ2218D			<i>Cm thi</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122180122	BÙI HỮU BÌNH	29/04/2000	CCQ2218C			<i>B</i>	9,0	8	8,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122180116	TRẦN ĐỨC DŨNG	09/09/2003	CCQ2218D			<i>Dũng</i>	6,7	7	6,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
4	2122180126	TRẦN TRUNG HẢI	11/04/2004	CCQ2218D			<i>Hải</i>	7,3	7	7,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122180115	NGÔ QUỐC HIỆP	26/01/2004	CCQ2218D			<i>Cm thi</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122180119	TRƯƠNG MINH HÒA	23/11/2004	CCQ2218D			<i>Hòa</i>	7,3	6,5	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122180103	HUỲNH HỮU HỮU	09/01/2004	CCQ2218D			<i>Huu</i>	7,0	7	7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122180094	PHAN TƯ KHOA	05/06/2004	CCQ2218C			<i>Khoa</i>	7,0	6,0	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2121180063	LÊ TRUNG KIÊN	23/12/2003	CCQ2118B			<i>Kiên</i>	6,7	6,0	6,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122180130	NGUYỄN VĂN LONG	25/07/2003	CCQ2218C			<i>Long</i>	6,7	8,5	7,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122180085	LÊ XUÂN LỰC	04/07/2004	CCQ2218C			<i>Lực</i>	7,3	7,0	7,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122180081	HỒ ĐỖ TRUNG NGUYỄN	05/07/2004	CCQ2218C			<i>Nguyễn</i>	8,0	8,0	7,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122180123	HUỲNH MINH PHÁT	06/05/2004	CCQ2218D			<i>Phát</i>	7,3	8,5	8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122180127	LÊ QUỐC PHƯỚC	09/08/2004	CCQ2218D			<i>Phuoc</i>	6,7	8,5	7,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122180076	PHẠM MINH QUÂN	19/11/2004	CCQ2218C			<i>Cm thi</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122180102	NGUYỄN ĐÌNH TÀI	15/02/2004	CCQ2218D			<i>T</i>	9,0	8,5	8,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122180131	BÙI LÊ HƯỚNG THIÊN	31/01/2004	CCQ2218D			<i>Thiên</i>	7,0	7	7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122180088	LƯU VĂN THƯ	07/11/2004	CCQ2218C			<i>Thư</i>	7,0	8	7,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122180124	NGUYỄN THÁI TOÀN	09/02/2004	CCQ2218D			<i>Toàn</i>	7,0	7	7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122180114	LÊ MINH TRÍ	19/08/2004	CCQ2218D			<i>Trí</i>	7,0	7	7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000690

Trang : 2/2

Môn học: **Kỹ thuật sấy (228216) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **002**

Ngày thi: **15/04/2023**

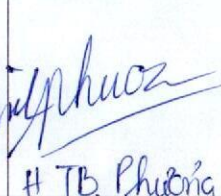
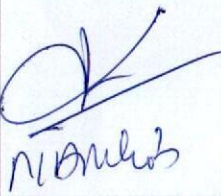
Giờ: **07:30**

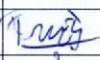
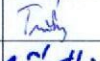
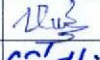
Phòng thi: **D5-31**

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
<u>Phước Bình</u>	<u>H TB Phương</u>	<u>N D Phái</u>	<u>N D Phái</u>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122180125	PHẠM MINH TRƯỜNG	23/11/2000	CCQ2218D		1		7,0	7	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122180113	TẶNG VĂN TRƯỜNG	29/10/2004	CCQ2218D		1		7,3	5	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122180101	LÊ HOÀNG TUẤN	20/09/2004	CCQ2218D			Cấm thi				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122180077	THẬP VĂN ANH VŨ	02/04/2004	CCQ2218C		1		7,3	6	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122180118	TRẦN XUÂN VŨ	18/04/2004	CCQ2218D			Cấm thi				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9